TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN Đ** TỈNH Q	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 08/2020/QĐST-HNGĐ	*Đ, ngày 24 tháng 02 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 80/2019/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 12 năm 2019, giữa:

Nguyên đơn: Chị Lương Thị V, sinh năm 1993.

Bị đơn: Anh Hoàng Văn C, sinh năm 1991.

Đều có địa chỉ: thôn B, xã H, huyện Đ, tỉnh Q.

Căn cứ vào Khoản 1, 2 Điều 212, Điều 213, Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 55; Điều 58 Luật Hôn nhân và Gia đình. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 14 tháng 02 năm 2020.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 14 tháng 02 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (Bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Lương Thị V và anh Hoàng Văn C.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

* *Về con chung:* Chị Lương Thị V và anh Hoàng Văn C có 02 con chung là Hoàng Thị Lệ Q, sinh ngày 29 tháng 11 năm 2011 và Hoàng Anh K, sinh ngày 22 tháng 10 năm 2014.

Anh Hoàng Văn C trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung Hoàng Anh K, sinh ngày 22 tháng 10 năm 2014 đến tuổi thành niên (đủ 18 tuổi).

Chị Lương Thị V trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung Hoàng Thị Lệ Q, sinh ngày 29 tháng 11 năm 2011 đến tuổi thành niên (đủ 18 tuổi).

Chị V và anh C không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không trực tiếp nuôi dưỡng mà không ai được cản trở.

* *Về tài sản chung:* Không yêu cầu giải quyết.

* *Về khoản nợ chung:* Không có.

* *Về án phí:* Chị Lương Thị V tự nguyện chịu án phí sơ thẩm 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng) được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) chị V đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí số 0008443 ngày 10/12/2019 của Chi Cục Thi hành án Dân sự huyện Đ. Trả lại cho chị Lương Thị V 150.000đ tiền tạm ứng án phí còn lại.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- UBND nơi các đương sự đăng ký kết hôn;
- VKSND huyện Đ;
- TAND tỉnh Q;
- Chi cục THADS H.Đ;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Đã ký

Trần Thị Thu Nga